

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
TP.HỒ CHÍ MINH
YTECO
Số: 218 /2021/YTC-NSHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công ty : Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh
Trụ sở chính : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 3930 4372
Fax : (028) 3930 6909
Người thực hiện công bố thông tin: PHAN MINH TRUNG
Địa chỉ : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
Điện thoại : (028) 3930 4372
Fax : (028) 3930 6909
Loại thông tin công bố : 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh công bố Báo cáo tài chính năm 2020 theo báo cáo ngày 12/5/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C .

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty từ ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại địa chỉ: <http://www.yteco.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính 2020

Đại diện tổ chức
Người thực hiện công bố thông tin



Phan Minh Trung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	15 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1984 (tiền thân là Công ty Xuất Nhập Khẩu Y tế), được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào ngày 01 tháng 8 năm 2001. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302366480, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 03 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : +84 (028) 3930 4372
- Fax : +84 (028) 3930 6909

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Lô 10 Khu dân cư đầu tuyến Đồng Đa – Lê Lợi – Trần Quý Cáp, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh tại Cần Thơ	24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh tại Hà Nội	Phòng 2, Tầng 1, Khu tập thể 63 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 4	68 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 8	Số 6, Phan Bội Châu, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cơ sở Sương Nguyệt Ánh	76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cửa hàng Dụng cụ Y Khoa Yteco	Số 161 đường Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất hàng điện tử và linh kiện điện tử (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất trang thiết bị, vật tư y tế;
- Sản xuất máy giặt công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất lò thiêu xác (xác, xử lý rác) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thang máy (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất tinh dầu, hương liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dược phẩm, dược liệu;
- Sản xuất thuốc;
- In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán vật liệu ngành in;
- Mua bán thiết bị ngành y tế;
- Mua bán thiết bị ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật;
- Mua bán thanh máy;
- Mua bán máy giặt công nghiệp;
- Mua bán tinh dầu, hương liệu;
- Mua bán lò thiêu xác (xác, xử lý rác);
- Bán buôn tổng hợp: Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật;
- Bán lẻ thuốc;
- Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị ngành y tế (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất trang trí nội thất (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất máy phát điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất xe cứu thương (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất xe cứu hỏa (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế;
- Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Mua bán xe cứu thương;
- Mua bán xe cứu hỏa;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Môi giới thương mại;
- Mua bán nông lâm sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán sữa, sản phẩm dinh dưỡng, thực phẩm;
- Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán hàng trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc;
- Mua bán hàng điện tử và linh kiện điện tử;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế;
- Mua bán vật tư – máy móc – phụ tùng các loại;
- Mua bán máy phát điện;
- Mua bán kính đeo mắt;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tư vấn du học;
- Dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc;
- Giặt ủi;
- Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Kinh doanh lẻ hàng nội địa, quốc tế;
- Sản xuất điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Cho thuê trang thiết bị y tế;
- Cho thuê lại lao động;
- Dịch vụ cho thuê và cung ứng nguồn lao động.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khánh Linh	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Đào Cung	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020
	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2020
	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Văn Thiện	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hải Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Phạm Tố Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Huỳnh Công Triết	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Trương Thị Hồng Nhạn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Thúy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Dư Quốc Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020
Ông Trịnh Đào Cung	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020
Ông Phan Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Việt	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020
Ông Trịnh Đào Cung	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 7 năm 2020

Ông Nguyễn Quốc Việt đã ủy quyền cho Ông Phan Minh Trung – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Giấy ủy quyền số 12/2021/UQ/YTC-NSHC ngày 06 tháng 01 năm 2021.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phan Minh Trung
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 5 năm 2021

Số: 1.1087/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh, được lập ngày 12 tháng 5 năm 2021, từ trang 08 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2020 Công ty có sự thay đổi trong Ban điều hành và các thành viên quản lý chủ chốt. Do quy trình theo dõi, quản lý công nợ chưa chặt chẽ và hạn chế về thời gian nên Ban điều hành chưa thể kiểm tra, đối chiếu để làm rõ một số khoản công nợ có giá trị theo sổ sách như sau:

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2019	Thuyết minh
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	49.680.312.781	48.017.888.569	V.3
Phải thu ngắn hạn khác	44.958.529.779	51.675.849.343	V.5
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	27.391.334.021	27.208.929.106	V.15
Phải trả ngắn hạn khác	45.702.343.654	53.672.493.899	V.19

Với các tài liệu và thông tin hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được các khoản công nợ trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại thuyết minh số VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Thanh tra TP. Hồ Chí Minh đang đề nghị Công ty nộp thuế nhà thầu cho các hợp đồng nhập khẩu ủy thác có bao gồm dịch vụ lắp đặt. Công ty đang phối hợp với đơn vị nhập khẩu kiểm tra lại các hợp đồng này. Trường hợp phải nộp thuế nhà thầu, Công ty sẽ yêu cầu đơn vị nhập khẩu hoàn lại tiền thuế nhà thầu phải nộp.
- Như đã trình bày tại thuyết minh số VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ 12.013.078.416 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 40.105.016.544 VND. Ngoài ra tại ngày này, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn 41.846.707.219 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý đến các điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được trình bày tại thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1



Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		939.038.988.817	710.658.270.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.819.337.733	138.884.486.864
1. Tiền	111		12.264.337.733	49.406.486.864
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.555.000.000	89.478.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.511.936.666	18.100.810.590
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	36.511.936.666	18.100.810.590
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		723.968.908.721	448.948.966.280
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	264.524.732.348	282.761.671.075
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.043.033.237	5.763.573.190
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	471.019.902.408	182.894.722.133
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.618.759.272)	(22.471.000.118)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		148.802.267.696	101.306.581.923
1. Hàng tồn kho	141	V.7	152.924.751.140	102.675.462.255
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(4.122.483.444)	(1.368.880.332)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.936.538.001	3.417.424.860
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	287.889.116	560.868.259
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.863.533.650	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	785.115.235	2.856.556.601
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.495.789.709	60.134.233.302
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		55.167.595.187	51.600.080.740
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	47.436.843.304	48.511.676.455
- Nguyên giá	222		74.313.440.777	73.753.808.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.876.597.473)	(25.242.132.120)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2.579.303.674	2.891.263.282
- Nguyên giá	225		3.566.467.237	3.566.467.237
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(987.163.563)	(675.203.955)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5.151.448.209	197.141.003
- Nguyên giá	228		7.679.645.289	1.595.173.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.528.197.080)	(1.398.032.036)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		358.184.378	6.087.161.378
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	358.184.378	6.087.161.378
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.304.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	1.304.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		970.010.144	1.142.991.184
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	970.010.144	1.142.991.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		995.534.778.526	770.792.503.819

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		982.075.696.036	745.020.267.366
I. Nợ ngắn hạn	310		980.885.696.036	743.422.267.366
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	255.907.773.030	155.019.678.973
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	36.265.006.142	32.473.090.141
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	23.914.527	1.837.571.804
4. Phải trả người lao động	314	V.17	500.585.270	3.348.280.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.046.476.462	596.290.178
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	462.098.679.037	274.817.154.834
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a, c	225.025.358.793	274.908.259.605
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	17.902.775	421.941.331
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.190.000.000	1.598.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b, c	1.190.000.000	1.598.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.459.082.490	25.772.236.453
I. Vốn chủ sở hữu	410		13.459.082.490	25.772.236.453
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	30.800.000.000	30.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.800.000.000	30.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	22.764.099.034	22.764.098.967
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	(40.105.016.544)	(27.791.862.514)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.091.938.128)	(27.791.862.514)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(12.013.078.416)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		995.534.778.526	770.792.503.819


Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2021


Phan Minh Trung
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	610.043.365.528	491.748.765.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	43.574.069.154	9.138.992.151
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		566.469.296.374	482.609.773.284
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	517.668.340.713	391.571.576.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.800.955.661	91.038.196.856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	31.994.967.177	10.047.865.725
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	28.388.570.431	24.757.418.023
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.759.175.110	22.849.615.245
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	37.245.570.595	34.828.389.272
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	31.213.416.333	45.410.542.616
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.051.634.521)	(3.910.287.330)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	4.280.497.253	435.629.876
12. Chi phí khác	32	VI.9	241.941.148	900.185
13. Lợi nhuận khác	40		4.038.556.105	434.729.691
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.013.078.416)	(3.475.557.639)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	3.795.631.555
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.013.078.416)	(7.271.189.194)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, b	(3.900)	(3.871)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, b	(3.900)	(3.871)



Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2021

Phan Minh Trung
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12.013.078.416)	(3.475.557.639)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 11	5.099.216.224	3.812.281.434
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	6.007.672.443	16.701.410.341
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	298.571.203	45.791.409
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(3.971.828.696)	(4.828.757.182)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	23.759.175.110	22.849.615.245
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.179.727.868	35.104.783.608
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(279.909.020.499)	41.269.295.527
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50.249.288.885)	3.583.600.856
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		293.851.661.357	99.409.322.739
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		445.960.183	1.305.904.002
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(23.267.460.098)	(22.849.615.245)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(2.409.001.352)	(3.696.284.448)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(404.038.556)	(5.320.734.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42.761.459.982)	148.806.272.347
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11, 12	(3.060.027.733)	(10.692.941.249)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		559.090.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.837.000.000)	(68.594.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.729.873.924	87.923.181.103
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	3.385.852.745	4.828.757.182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.222.210.155)	13.464.997.036

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	860.124.615.723	1.028.442.555.959
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a	(909.961.670.571)	(1.100.874.489.808)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a, b	(453.845.964)	(288.640.497)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, 22	(4.790.578.182)	(6.560.243.800)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(55.081.478.994)</i>	<i>(79.280.818.146)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(114.065.149.131)	82.990.451.237
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	138.884.486.864	55.908.906.861
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(14.871.234)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>24.819.337.733</u>	<u>138.884.486.864</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2021

Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng/Người lập



Phan Minh Trung
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, nguyên liệu dược, trang thiết bị y tế, vắc – xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, mỹ phẩm, sữa, chất dinh dưỡng, kính đeo mắt; cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; sửa chữa, bảo trì máy móc, trang thiết bị y tế; cho thuê kho và văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Lô 10 Khu dân cư đầu tuyến Đồng Đa – Lê Lợi – Trần Quý Cáp, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
Chi nhánh tại Cần Thơ	24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Chi nhánh tại Hà Nội	Phòng 2, Tầng 1, Khu tập thể 63 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 4	68 Cách Mạng Tháng Tám, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Hiệu thuốc số 8	Số 6, Phan Bội Châu, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	24 đường 17, phường Hiệp Bình Phước, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Kho hàng	181 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cơ sở Sương Nguyệt Ánh	76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Địa điểm kinh doanh - Cửa hàng Dụng cụ Y Khoa Yteco	Số 161 đường Nguyễn Văn Công, Phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 109 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 130 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là công cụ dụng cụ, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	10

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 08 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kết toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	533.328.113	1.637.137.230
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.731.009.620	47.769.349.634
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	12.555.000.000	89.478.000.000
Cộng	<u>24.819.337.733</u>	<u>138.884.486.864</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>36.511.936.666</i>	<i>36.511.936.666</i>	<i>18.100.810.590</i>	<i>18.100.810.590</i>
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	36.511.936.666	36.511.936.666	18.100.810.590	18.100.810.590
<i>Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.304.000.000</i>	<i>1.304.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	1.304.000.000	1.304.000.000
Cộng	<u>36.511.936.666</u>	<u>36.511.936.666</u>	<u>19.404.810.590</u>	<u>19.404.810.590</u>

⁽ⁱ⁾ Một số khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 16.572.989.554 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<u>25.718.692.500</u>	<u>22.956.460.000</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	25.718.692.500	22.956.460.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>238.806.039.848</u>	<u>259.805.211.075</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Trang thiết bị Y tế T.D	16.292.380.204	53.531.643.213
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Tâm An	15.861.858.496	14.475.899.474
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	-	7.357.917.505
Các khoản nợ đang kiểm tra, đối chiếu	49.680.312.781	48.017.888.569
Các khách hàng khác	156.971.488.367	136.421.862.314
Cộng	<u>264.524.732.348</u>	<u>282.761.671.075</u>

Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Amvi	130.000.000	3.026.472.219
3S Invest D.O.O NIS	195.369.912	-
Các nhà cung cấp khác	717.663.325	2.737.100.971
Cộng	<u>1.043.033.237</u>	<u>5.763.573.190</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm phải thu	54.323.133	-	218.688.538	-
Lãi dự thu tiền gửi	149.159.104	-	-	-
Tạm ứng	3.594.193.404	(2.609.648.492)	7.415.513.205	(2.065.474.422)
Các khoản ký quỹ	3.505.696.102	-	171.265.346	-
Chi hộ chi phí hàng ủy thác	400.125.631.442	-	82.875.831.173	-
Các khoản chi hộ chi phí hàng ủy thác đang kiểm tra, đối chiếu	44.958.529.779	-	51.675.849.343	-
CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd. - tiền bồi thường hàng hủy và hỗ trợ khác	-	-	22.410.387.167	(13.106.310.177)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - tiền lãi trả chậm	11.675.394.262	-	11.899.966.266	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.956.975.182	-	6.227.221.095	-
Cộng	<u>471.019.902.408</u>	<u>(2.609.648.492)</u>	<u>182.894.722.133</u>	<u>(15.171.784.599)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		18.956.460.000	18.956.460.000		18.956.460.000	18.956.460.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	13.319.700.000	13.319.700.000	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm	13.319.700.000	13.319.700.000
	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	5.636.760.000	5.636.760.000	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.636.760.000	5.636.760.000
Các tổ chức và cá nhân khác		41.703.311.826	29.084.552.554		65.792.170.595	43.321.170.477
Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - phải thu tiền hàng hóa	Quá hạn trên 3 năm	15.907.014.866	15.907.014.866	Quá hạn trên 3 năm	18.007.014.866	18.007.014.866
Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân - phải thu tiền lãi trả chậm	Quá hạn trên 3 năm	11.675.394.262	11.675.394.262	Quá hạn trên 3 năm	11.899.966.266	11.899.966.266
Công ty TNHH In Di Co - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.363.304.769	1.363.304.769	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm	1.309.255.658	1.309.255.658
Công ty TNHH In Di Co - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	69.343.067	69.343.067	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	37.843.067	37.843.067
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Thiết bị Y tế Minh Thành - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn trên 3 năm	3.829.646.001		Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.829.646.001	1.148.893.801
Ông Trần Cao Sơn - tạm ứng	Không có khả năng thu hồi	2.609.648.492		Không có khả năng thu hồi	2.065.474.422	-
Công ty TNHH Dược phẩm Lê Khải - phải thu tiền bán hàng	Không có khả năng thu hồi	1.881.118.197		Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.881.118.197	940.559.099
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Dương Hồ - phải thu tiền bán hàng	Không có khả năng thu hồi	999.924.117		Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	999.924.117	-
CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd.	Không có khả năng thu hồi	-		Không có khả năng thu hồi	22.410.387.167	9.304.076.990
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - phải thu tiền bán hàng	Quá hạn từ 06 tháng trở lên	3.367.918.055	69.495.590	Quá hạn từ 06 tháng trở lên	3.351.540.834	673.560.730
Cộng		60.659.771.826	48.041.012.554		84.748.630.595	62.277.630.477

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.471.000.118	6.017.514.486
Trích lập dự phòng bổ sung	3.254.069.331	16.453.485.632
Xóa sổ khoản nợ CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd. khó thu hồi	(13.106.310.177)	-
Số cuối năm	12.618.759.272	22.471.000.118

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	87.463.182	-	87.463.182	-
Hàng hóa ⁽ⁱ⁾	152.837.287.958	(4.122.483.444)	102.587.999.073	(1.368.880.332)
Cộng	152.924.751.140	(4.122.483.444)	102.675.462.255	(1.368.880.332)

- (i) Công ty đã thế chấp hàng tồn kho luân chuyển để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả về Upas L/C, các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.19 và V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.368.880.332	2.348.215.333
Trích lập dự phòng bổ sung	2.753.603.112	247.924.709
Xử lý hàng tồn kho đã lập dự phòng	-	(1.227.259.710)
Số cuối năm	4.122.483.444	1.368.880.332

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	105.403.446	299.227.801
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	182.485.670	261.640.458
Cộng	287.889.116	560.868.259

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản	203.737.988	216.666.670
Chi chí công cụ, dụng cụ	103.912.790	75.364.333
Các chi phí trả trước dài hạn khác	662.359.366	850.960.181
Cộng	970.010.144	1.142.991.184

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	56.651.473.728	6.676.479.262	6.645.783.415	3.175.990.170	604.082.000	73.753.808.575
Mua trong năm	-	38.181.818	-	60.000.000	-	98.181.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.521.850.665	-	-	84.500.000	-	2.606.350.665
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.144.900.281)	-	-	(2.144.900.281)
Số cuối năm	59.173.324.393	6.714.661.080	4.500.883.134	3.320.490.170	604.082.000	74.313.440.777

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.113.212.661	317.059.070	1.801.485.397	2.643.499.261	604.082.000	12.479.338.389
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	15.668.173.782	861.507.662	5.298.723.252	2.809.645.424	604.082.000	25.242.132.120
Khấu hao trong năm	2.611.373.906	512.321.872	374.546.869	158.848.925	-	3.657.091.572
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.022.626.219)	-	-	(2.022.626.219)
Số cuối năm	18.279.547.688	1.373.829.534	3.650.643.902	2.968.494.349	604.082.000	26.876.597.473
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	40.983.299.946	5.814.971.600	1.347.060.163	366.344.746	-	48.511.676.455
Số cuối năm	40.893.776.705	5.340.831.546	850.239.232	351.995.821	-	47.436.843.304
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 170.657.890 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải
Số đầu năm	3.566.467.237
Số cuối năm	3.566.467.237
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	675.203.955
Khấu hao trong năm	311.959.608
Số cuối năm	987.163.563
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.891.263.282
Số cuối năm	2.579.303.674

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	1.595.173.039	1.595.173.039
Mua trong năm	-	78.062.250	78.062.250
Đầu tư xây dựng hoàn thành	3.500.000.000	2.506.410.000	6.006.410.000
Số cuối năm	3.500.000.000	4.179.645.289	7.679.645.289
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.266.604.700	1.266.604.700

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.398.032.036	1.398.032.036
Khấu hao trong năm	-	1.130.165.044	1.130.165.044
Số cuối năm	-	2.528.197.080	2.528.197.080
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	197.141.003	197.141.003
Số cuối năm	3.500.000.000	1.651.448.209	5.151.448.209
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	5.908.019.727	350.163.000	(6.090.910.000)	-	167.272.727
Xây dựng cơ bản dở dang	179.141.651	2.765.850.665	(2.521.850.665)	(232.230.000)	190.911.651
<i>Công trình Chi nhánh Cần Thơ</i>	-	2.594.080.665	(2.521.850.665)	(72.230.000)	-
<i>Các công trình khác</i>	179.141.651	171.770.000	-	(160.000.000)	190.911.651
Cộng	6.087.161.378	3.116.013.665	(8.612.760.665)	(232.230.000)	358.184.378

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 11.075.131.624 VND (số đầu năm là 0 VND) được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các kỳ sau.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	153.403.086	-
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	49.500.084	-
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	103.903.002	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	255.754.369.944	155.019.678.973
Belasia Limited.	9.882.231.048	10.116.449.414
Neo Unicap Co., Ltd.	15.883.030.196	14.102.298.079
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Y tế Cao Minh	27.395.027.000	13.339.110.687
Hcp Healthcare Asia Pte., Ltd.	2.757.333.035	9.024.900.970
Kalbe International Pte., Ltd.	5.076.312.884	14.076.832.878
Pt. Kalbe Farma Tbk	17.154.017.138	8.773.541.577
Gedeon Richter Plc.	83.400.585.981	-
Các nhà cung cấp khác	94.205.832.662	85.586.545.368
Cộng	255.907.773.030	155.019.678.973

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Đô	6.259.991.867	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dược phẩm Khang Huy (đang kiểm tra, đối chiếu)	4.301.877.644	3.296.376.644
Các khoản trả trước đang kiểm tra, đối chiếu	23.089.456.377	23.912.552.462
Các khách hàng khác	2.613.680.254	5.264.161.035
Cộng	<u>36.265.006.142</u>	<u>32.473.090.141</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	641.455.913	4.884.179.822	(4.218.809.382)	23.914.527	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	151.121.374	5.949.289.880	(5.798.168.506)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	321.962.264	1.770.399.536	(1.448.437.272)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.837.571.804	-	-	(2.409.001.352)	-	571.429.548
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.468.015.285	2.075.438.536	(667.291.922)	-	59.868.671
Tiền thuê đất	-	183.959.818	2.611.406.278	(2.513.103.732)	-	85.657.272
Thuế nhà thầu	-	55.619.775	55.619.775	-	-	-
Thuế môn bài	-	30.107.805	42.607.805	(12.500.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.314.367	5.334.367	(69.179.744)	-	68.159.744
Cộng	<u>1.837.571.804</u>	<u>2.856.556.601</u>	<u>17.394.275.999</u>	<u>(17.136.491.910)</u>	<u>23.914.527</u>	<u>785.115.235</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.013.078.416)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	937.946.792
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu/tính thuế	(11.075.131.624)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5004498
CÔNG TY
CH NHIỆM
TOÁN VÀ
A &
VH-T.PY

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	-	132.997.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.500.000	192.089.033
Chi phí lãi vay phải trả	491.715.012	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	219.261.450	271.203.292
Cộng	<u>1.046.476.462</u>	<u>596.290.178</u>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về Upas L/C ⁽ⁱ⁾	130.354.197.314	178.882.294.563
Các khoản ứng trước về hàng nhận ủy thác	264.240.313.335	-
Các khoản ứng trước về hàng nhận ủy thác đang kiểm tra, đối chiếu	45.702.343.654	53.672.493.899
Cổ tức phải trả	-	4.482.578.182
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm phải trả	-	39.092.902
Nhận ký quỹ ngắn hạn	3.287.475.408	3.392.680.834
Phải trả Bà Võ Thị Sáu - hợp tác kinh doanh Hiệu thuốc số 1	14.733.000.000	26.780.000.000
Phải trả về chiết khấu thương mại	3.461.563.673	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319.785.653	7.568.014.454
Cộng	<u>462.098.679.037</u>	<u>274.817.154.834</u>

⁽ⁱ⁾ Khoản nợ phải trả các ngân hàng về Upas L/C đã được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.2, V.3 và V.7).

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	221.621.179.294	274.458.234.142
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	15.569.487.500	5.375.225.978
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	13.500.000.000	79.785.775.810
Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	56.560.465.711	37.591.152.667
Vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn ^(iv)	99.413.341.791	54.327.652.000
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP. Hồ Chí Minh	-	3.471.290.712
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Sài Gòn ^(v)	21.597.435.424	-
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định ^(vi)	14.980.448.868	14.963.386.609
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	-	76.066.139.485
Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	2.877.610.881

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.000.000.000	-
Vay Ông Lương Huỳnh Quốc Bảo	2.000.000.000	-
Vay Bà Nguyễn Thị Tú Anh	1.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	404.179.499	450.025.463
Cộng	<u>225.025.358.793</u>	<u>274.908.259.605</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 315.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định của Công ty, quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển (xem thuyết minh số V.2, V.3 và V.7).
- (iii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng.
- (iv) Khoản vay ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển tân được (xem thuyết minh số V.7).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	274.458.234.142	857.124.615.723	-	(909.961.670.571)	221.621.179.294
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	450.025.463	-	404.179.499	(450.025.463)	404.179.499
Cộng	<u>274.908.259.605</u>	<u>860.124.615.723</u>	<u>404.179.499</u>	<u>(910.411.696.034)</u>	<u>225.025.358.793</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20b. Nợ thuê tài chính dài hạn

Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê phương tiện vận tải với lãi suất thả nổi, thời hạn thuê là 60 tháng.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	404.179.499	450.025.463
Trên 01 năm đến 05 năm	1.190.000.000	1.598.000.000
Cộng	1.594.179.499	2.048.025.463

Công ty có khả năng trả được các khoản nợ thuê tài chính dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	1.598.000.000
Số tiền vay đã trả	(3.820.501)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(404.179.499)
Số cuối năm	1.190.000.000

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	421.941.331	1.090.177.845
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	3.780.141.556
Chi quỹ trong năm	(404.038.556)	(4.448.378.070)
Số cuối năm	17.902.775	421.941.331

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	30.800.000.000	20.496.014.034	(6.516.090.209)	44.779.923.825
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(7.271.189.194)	(7.271.189.194)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	2.268.084.933	(6.048.226.489)	(3.780.141.556)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(7.084.000.000)	(7.084.000.000)
Thanh toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm trước	-	-	(872.356.622)	(872.356.622)
Số dư cuối năm trước	30.800.000.000	22.764.098.967	(27.791.862.514)	25.772.236.453
Số dư đầu năm nay	30.800.000.000	22.764.098.967	(27.791.862.514)	25.772.236.453
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(12.013.078.416)	(12.013.078.416)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	(308.000.000)	(308.000.000)
Điều chỉnh khác	-	67	7.924.386	7.924.453
Số dư cuối năm nay	30.800.000.000	22.764.099.034	(40.105.016.544)	13.459.082.490

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	-	1.458.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư MB	-	3.839.800.000
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	8.932.000.000	8.932.000.000
Các cổ đông khác	21.868.000.000	16.570.200.000
Cộng	<u>30.800.000.000</u>	<u>30.800.000.000</u>

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.080.000	3.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.080.000	3.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 27 tháng 6 năm 2020 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích trong năm nay</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	7.084.000.000	6.776.000.000	308.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.268.084.933	2.268.084.933	-
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.780.141.556	3.780.141.556	-
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	872.356.311	872.356.311	-

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.471.901.740	2.471.901.740
Trên 01 năm đến 05 năm	9.887.606.960	9.887.606.960
Trên 05 năm	49.438.034.800	51.909.936.540
Cộng	<u>61.797.543.500</u>	<u>64.269.445.240</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất của Công ty tại số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh và tại số 76 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**23b. Tài sản nhận giữ hộ**

Công ty nhận giữ hộ thuốc cho các đơn vị khác, chi tiết như sau:

Mặt hàng	Số lượng	Quy cách
Aciherpin Cream 5%, Tube 5g	12.948	Hộp
Air-X	119.596	H10V10
Air-X Tablet Orange Flavoured	29.281	H10V10
Alputine Capsule	19.742	Hộp
Alu Cap 32mm, Silver Color	20.000	Cái
Aluminium Seal 20mm (20-10) Green	1.001.000	Cái
Alzepil 5mg	61.674	H2V14
Ampoule Amber 2ml	448.800	Cái
Ampoule Amber 5ml	23.500	Cái
Androz-100	29.220	H1V4
Apratam	9.274	H10V10
Ardineclav 500/125	22.739	H12G
Atcobeta-N Ointment Hộp 1 Tuýp 15g	32.940	Hộp
Atcobeta-S Ointment Hộp 1 Tuýp 15g	13.200	Hộp
Atobaxl-20	8.080	H3V10
Atormed 20	12.310	H3V10
Basultam	150.300	Hộp
B-Hist 16	7.301	H10V10
Bisocar 2,5	3.820	H10V10
Bisocar 5	45.570	H3V10
Bixocot	1.294	H10V10
Bixocot 90	3.360	H3V10
Bloci 500mg	11.284	Hộp
Blueye Eye Drop	16.320	Hộp
Bralcib Eye Drops	160.312	Lọ
Briozcal Tablet	57.776	Hộp
Carbaro 200mg	9.174	H10V10
Croscarmellose Sodium-Disolcel	500	Kg
Cross Carmellose Sodium	500	Kg
Diphereline 0,1mg	699	Hộp
Dipsope-10	4.754	H10V10
Drensa Injection 50mg/ml	8.015	H10A
Easpray Film Coating Powder (GMI)	40	Kg
Elaria 100mg	17.183	H2V5
Era Gel	1.000	Kg
Era Pac	520	Kg
Etrix 10mg	30.333	H3V10
Euro-Fercf	19.800	H30
Europlin 25mg	19.271	H5V10
Eurozitum 60mg	10.625	H5V10
Evopride 2mg	14.695	H2V10
Fatedia	3.520	H3V10
Flexen 2,5% Hộp 1 Tuýp 50g	16.663	Hộp
Flip Off Seal 13mm Code 3769 Blue	600.000	Cái
Flip Off Seal 20mm (20Fo Lq 3769 Blue)	189.000	Cái
Flip Off Seal 32mm Blue	2.500	Cái
Flip Off Seal 32mm Middle Blue	87.500	Cái
Follitrope Prefilled Syringe 150IU	1.000	Hộp
Follitrope Prefilled Syringe 225IU	8.600	Hộp
Follitrope Prefilled Syringe 300IU	7.000	Hộp

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Mặt hàng	Số lượng	Quy cách
Follitrope Prefilled Syringe 75IU	10.640	Hộp
Freeze Dried Stopper 13mm, Type: V50 4405/50 Rs Grey Epp Sil.A	30.000	Cái
Freeze Dried Stopper 20mm S-87-J 4405/50 Grey Epp Rs Sil.A	32.000	Cái
Glutathione Injection "Tai Yu"	73.550	Hộp
Hameron Eye Drops	34.760	H1L
Healift Skin Ointment, Hộp 1 Tuýp 10g	16.500	Hộp
Hydroxypropyl Methylcellulose Sustained Release (Metolose 90Sh-1500Sr)	40	Kg
Hydroxypropyl Methylcellulose, Pharmacoat 606	1.800	Kg
Hydroxypropyl Methylcellulose, Pharmacoat 615	200	Kg
Indclav 625	129.800	H2V10
Infusions Glass, 250ml Infusion Amber Glass, Type II-Hp756/250	18.564	Cái
Infusions Glass, 250ml Infusion Clear Glass, Type II-Hp756/250	18.564	Cái
Iopamiro (300mg/ml-100ml)	2.748	Lọ
Iopamiro (300mg/ml-50ml)	1.068	Lọ
Iopamiro (370mg/ml-100ml)	8.385	Lọ
Iopamiro (370mg/ml-50ml)	2.002	Lọ
Itametazin Tabs	50.464	H2V7
Ivf-C 1000IU Hộp/1 Lọ + 1 Ống	28.250	Hộp
Ivf-C 5000IU Hộp/3 Lọ + 3 Ống	11.205	Hộp
Ivf-M Injection 150IU Hộp/5 Lọ * 5 Ống	2.000	Hộp
Ivf-M Injection 75IU Hộp/1 Lọ * 1 Ống	15.000	Hộp
Kefentech (Ketoprofen 30mg)	240.000	G7
Kemiwan	4.048	H10V10
Ketolerg Eye Drops (Ketotifen Fumarate - Dung dịch nhỏ mắt)	124.840	H1L
Low Substituted Hydroxypropyl Cellulose (L-Hpc Lh-11)	5.950	Kg
Low Substituted Hydroxypropyl Cellulose(L-Hpc Lh-21)	350	Kg
Lupipezil 5mg	6.823	H3V10
Magnesium Stearate (Maccell)	180	Kg
Máy chụp mạch và phụ kiện, Model: Innova Igs5	1	Bộ
Máy CT và phụ kiện, Model: Optima Ct 520	1	Bộ
Máy siêu âm Và phụ kiện, Model: Invenia Abus 2.0	1	Bộ
Máy X-Quang và phụ kiện, Model: Oec One Cfd	1	Bộ
Máy X-Quang và phụ kiện, Model: Optima Xr240Amx	3	Bộ
Microcrystalline Cellulose Accel 101	1.400	Kg
Microcrystalline Cellulose Accel 102	1.500	Kg
Microcrystalline Cellulose Accel 112	1.800	Kg
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M101	23.980	Kg
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M102	44.960	Kg
Microcrystalline Cellulose, Comprecel M112	350	Kg
Misadin 2mg Tab	41.200	Hộp
Moktin Injection	2.765	H10A
Montemax Tab 10mg, Hộp 1 Vi X 14 Viên	7.878	Hộp
Montemax Tab 5mg, Hộp 1 Vi X 14 Viên	13.341	Hộp
Moulded Vial 10ml, Clear Type II (110101)	11.520	Cái
Moulded Vial 15ml Clear Type II	3.300	Cái
Moulded Vial Amber 100ml (Code: 411001)	112.860	Cái
Moulded Vial Amber 20ml (410201)	197.760	Cái
Moulded Vial Amber 50ml (410501)	3.024	Cái
Moulded Vial Clear 100ml (111001)	89.298	Cái
Moulded Vial Clear 20ml (110201)	218.880	Cái
Mucambrox 15	7.006	Lọ
Multihance 10ml	1.705	Lọ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Mặt hàng</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Quy cách</u>
Myomethol	8.726	H10V10
Newgenasada Cream 10g	311.600	Tube
Ocineye 0,3%	106.020	H1L
Oflodex	52.065	Hộp
Olavex 10	114.220	H3V10
Olavex 5	46.300	H3V10
Omsergy 20mg	9.900	H10V10
Orle (Omeprazol 20mg)	4.128	H10V10
Ozip 10	4.304	H10V10
Oztis Tablet	8.025	Hộp
Pediafer	20.544	Hộp
Pediavit Multi	2.676	Hộp
Phụ kiện máy chụp mạch, Model: Innova Igs5	1	Bộ
Phụ kiện máy CT, Model: Optima Ct 520	1	Bộ
Phụ kiện máy CT, Model: Revolution Acts	3	Bộ
Phụ kiện máy X-Quang, Model: Optima Xr240Amx	1	Bộ
Pidisai Inj 1g	4.544	H10L
Plenmoxi	25.059	H1L
Povidone K-30 (Pvp K-30)	1.650	Kg
Prega 100	8.440	H3V10
Pretension Plus 80/12,5mg	2.506	H3V10
Pulcet 40mg	7.423	H2V14
Rapiclav-1g	4.569	H7V3
Risperinob-2	9.162	H10V10
Rokzy-150	31.418	H10V10
Rovastin -10	5.000	H10V10
R-Tist (Cefdinir 125mg/5ml)	7.900	Hộp
Rubber Stopper 13mm Type:V35 4405/50 Grey Epp Rs Sil 1/4A	1.300.500	Cái
Rubber Stopper 20mm Art.1071 4420/45 Light Grey Sil. Standard	77.000	Cái
Rubber Stopper 20mm, Code: 20-A-03	610.000	Cái
Rubber Stopper 20mm, Type: S127 4405/50 Epp Rs Grey Sil.A	1.164.000	Cái
Rubber Stopper 32mm - Code: 733211 (32-A)	85.000	Cái
Samchundangtoracin Eye Drops (Tobramycin 15mg - Dung dịch nhỏ mắt)	36.540	H1L
Scilin M30 (30/70)	6.000	Hộp
Sodium Starch Glycolate, Dst	13.250	Kg
Somidex Inj	11.286	H10L
Stiros Tablet	15.756	H10V10
Tacrohope, Tube 10g	14.230	Tube
Tavin-Em	1.320	Hộp
Tobadexa Eye Drops	12.480	H1L
Triamvirgi Inj 80mg	2.240	H5A
Trionstrep	31.500	H4V7
Troysar H	6.466	H3V10
Tubular Vial 15ml Ta, Type I, Clear Finish 20mm (610151)	154.368	Cái
Tubular Vial 20ml, Type I, Clear Finish 20mm (610201)	315.360	Cái
Unicet	29.257	H10V10
Venlift Od 150	15.896	H1V7
Vial 2ml	601.920	Cái
Vial Clear 10ml	1.201.464	Cái
Vofluxi Eye Drops 10ml	3.413	H1L
Welgra (Sildenafil 100mg)	7.780	H1V4
Zedoxim-200 Capsule	44.100	H1V10
Zincviet Dry Suspension hộp 1 chai 60ml	29.020	Hộp

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23c. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	422,58	454.970,78
Euro (EUR)	6,31	6,04

23d. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Hoài Khanh	587.734.195	587.734.195
CCL Pharmaceuticals (Pvt) Ltd.	13.106.310.177	-
Các đối tượng khác	1.899.395.153	1.899.395.153
Cộng	<u>15.593.439.525</u>	<u>2.487.129.348</u>

Các khoản nợ này được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	496.562.683.453	373.471.232.210
Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.480.682.075	118.277.533.225
Cộng	<u>610.043.365.528</u>	<u>491.748.765.435</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 với số tiền là 30.354.556.277 VND (năm trước 0 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	3.461.563.673	-
Hàng bán bị trả lại	38.664.959.327	7.642.864.277
Giảm giá hàng bán	1.447.546.154	1.496.127.874
Cộng	<u>43.574.069.154</u>	<u>9.138.992.151</u>

Trong đó, giao dịch với Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	336.314.286	528.666.667
Chiết khấu thương mại	3.461.563.673	-

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	514.914.737.601	391.323.651.719
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.753.603.112	247.924.709
Cộng	<u>517.668.340.713</u>	<u>391.571.576.428</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.535.011.849	4.828.757.182
Lãi hỗ trợ vốn	21.453.429.893	3.127.894.513
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.006.525.435	2.091.214.030
Cộng	31.994.967.177	10.047.865.725

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.759.175.110	22.849.615.245
Chi phí chiết khấu, hàng bán trả chậm	215.520.577	416.564.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.115.303.541	1.445.447.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	298.571.203	45.791.409
Cộng	28.388.570.431	24.757.418.023

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.809.147.025	11.202.792.335
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.714.291	112.403.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	542.247.361	478.452.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.517.407.091	21.983.658.135
Các chi phí khác	354.054.827	1.051.082.791
Cộng	37.245.570.595	34.828.389.272

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.724.253.309	13.448.320.038
Chi phí vật liệu quản lý	12.234.998	78.613.336
Chi phí đồ dùng văn phòng	210.009.061	303.953.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.556.968.863	3.321.081.308
Thuế, phí và lệ phí	2.610.104.342	3.164.327.448
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.254.069.331	16.453.485.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.621.422.073	4.342.847.602
Chi phí bằng tiền khác	4.224.354.356	4.297.914.242
Cộng	31.213.416.333	45.410.542.616

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	436.816.847	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	403.204.192
Thu nhập từ việc đền bù hàng hủy	3.622.147.005	-
Thu nhập khác	221.533.401	32.425.684
Cộng	4.280.497.253	435.629.876

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	155.159.651	-
Phạt vi phạm hành chính	86.741.751	-
Chi phí khác	39.746	900.185
Cộng	241.941.148	900.185

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.013.078.416)	(7.271.189.194)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.780.141.556)
Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	(872.356.311)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(12.013.078.416)	(11.923.687.061)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.080.000	3.080.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(3.900)	(3.871)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	244.958.350	494.969.736
Chi phí nhân công	26.533.400.334	24.651.112.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.099.216.224	3.812.281.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.138.829.164	26.326.505.737
Chi phí khác	10.442.582.856	24.966.810.113
Cộng	68.458.986.928	80.251.679.393

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Hiện Thanh tra TP. Hồ Chí Minh đang thực hiện thanh tra hoạt động của Công ty. Thanh tra TP. Hồ Chí Minh đang đề nghị Công ty nộp thuế nhà thầu cho các hợp đồng nhập khẩu ủy thác có bao gồm dịch vụ lắp đặt. Công ty đang phối hợp với đơn vị nhập khẩu kiểm tra lại các hợp đồng này. Trường hợp phải nộp thuế nhà thầu, Công ty sẽ yêu cầu đơn vị nhập khẩu hoàn lại tiền thuế nhà thầu phải nộp.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt gồm lương, thưởng và thù lao là 1.528.762.559 VND (năm trước là 3.017.651.072 VND).

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông nắm giữ 29% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3	Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b và VI.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn		
Mua hàng hóa	390.058.820	339.710.533
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết		
Mua hàng hóa	108.048.538	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

3. **Thông tin về bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ và trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. **Thông tin về hoạt động liên tục**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ 12.013.078.416 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 40.105.016.544 VND. Ngoài ra tại ngày này, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn 41.846.707.219 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đang tiến hành các phương án thu hồi nợ, tái cơ cấu hoạt động để hồi phục kết quả kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Ngoài ra, Hội đồng quản trị đang xem xét tăng vốn điều lệ và thương lượng với ngân hàng để gia hạn nợ vay phải trả. Do vậy Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Số liệu so sánh

Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho các sai sót sau:

- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Doanh thu, giá vốn ghi nhận chưa đủ điều kiện.
- Chi phí thuê đất chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí lương thưởng cho nhân viên chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Trình bày lại một số chỉ tiêu cho phù hợp.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố này đến số liệu so sánh năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu đã báo cáo	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Tài sản ngắn hạn	100	692.063.771.565	18.594.498.952	710.658.270.517
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	427.903.634.715	21.045.331.565	448.948.966.280
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	292.642.682.128	(9.881.011.053)	282.761.671.075
Phải thu ngắn hạn khác	136	130.694.354.934	52.200.367.199	182.894.722.133
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.196.975.537)	(21.274.024.581)	(22.471.000.118)
Hàng tồn kho	140	98.418.401.592	2.888.180.331	101.306.581.923
Hàng tồn kho	141	98.666.326.301	4.009.135.954	102.675.462.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(247.924.709)	(1.120.955.623)	(1.368.880.332)
Tài sản ngắn hạn khác	150	8.756.437.804	(5.339.012.944)	3.417.424.860
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8.195.569.545	(5.339.012.944)	2.856.556.601
Tài sản cố định hữu hình	221	50.793.479.823	(2.281.803.368)	48.511.676.455
Nguyên giá	222	76.048.359.448	(2.294.550.873)	73.753.808.575
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(25.254.879.625)	12.747.505	(25.242.132.120)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	609.459.914	2.281.803.368	2.891.263.282
Nguyên giá	225	1.271.916.364	2.294.550.873	3.566.467.237
Giá trị hao mòn lũy kế	226	(662.456.450)	(12.747.505)	(675.203.955)
Tổng cộng tài sản	270	752.198.004.867	18.594.498.952	770.792.503.819
Nợ phải trả	300	692.296.615.687	52.723.651.679	745.020.267.366
Nợ ngắn hạn	310	663.468.590.224	79.953.677.142	743.422.267.366
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	36.806.452.316	(4.333.362.175)	32.473.090.141
Phải trả người lao động	314	-	3.348.280.500	3.348.280.500
Phải trả ngắn hạn khác	319	194.328.421.480	80.488.733.354	274.817.154.834
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	274.458.234.142	450.025.463	274.908.259.605
Nợ dài hạn	330	28.828.025.463	(27.230.025.463)	1.598.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	26.780.000.000	(26.780.000.000)	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	2.048.025.463	(450.025.463)	1.598.000.000
Vốn chủ sở hữu	400	59.901.389.180	(34.129.152.727)	25.772.236.453
Vốn chủ sở hữu	410	59.901.389.180	(34.129.152.727)	25.772.236.453
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.337.290.213	(34.129.152.727)	(27.791.862.514)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	6.337.290.213	(34.129.152.727)	(27.791.862.514)
Tổng cộng nguồn vốn	440	752.198.004.867	18.594.498.952	770.792.503.819
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	518.887.998.514	(27.139.233.079)	491.748.765.435
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	509.749.006.363	(27.139.233.079)	482.609.773.284
Giá vốn hàng bán	11	416.166.809.507	(24.595.233.079)	391.571.576.428
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	93.582.196.856	(2.544.000.000)	91.038.196.856
Chi phí bán hàng	25	33.877.207.314	951.181.958	34.828.389.272
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.513.969.158	18.896.573.458	45.410.542.616
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	18.481.468.086	(22.391.755.416)	(3.910.287.330)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	18.916.197.777	(22.391.755.416)	(3.475.557.639)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 181 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu đã báo cáo	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	15.120.566.222	(22.391.755.416)	(7.271.189.194)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.682	(7.553)	(3.871)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.682	(7.553)	(3.871)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	18.916.197.777	(22.391.755.416)	(3.475.557.639)
Các khoản dự phòng	03	(979.335.001)	17.680.745.342	16.701.410.341
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.219.090.901)	(609.666.281)	(4.828.757.182)
trước thay đổi vốn lưu động	08	40.425.459.963	(5.320.676.355)	35.104.783.608
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	82.120.197.849	(40.850.902.322)	41.269.295.527
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.810.860.566	(1.227.259.710)	3.583.600.856
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	53.143.906.833	46.265.415.906	99.409.322.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	149.939.694.828	(1.133.422.481)	148.806.272.347
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	38.733.991.693	(107.327.991.693)	(68.594.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(19.404.810.590)	107.327.991.693	87.923.181.103
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.219.090.901	609.666.281	4.828.757.182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12.855.330.755	609.666.281	13.464.997.036
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.084.000.000)	523.756.200	(6.560.243.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(79.804.574.346)	523.756.200	(79.280.818.146)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.



Trần Thị Nhân
Kế toán trưởng/Người lập



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2021

Phan Minh Trung
Phó Tổng Giám đốc